**I. Khái niệm Phật Giáo là gì?**

**1. Định nghĩa PG:**

Phật Giáo là một tôn giáo có khoảng 300 triệu tín đồ trên khắp thế giới.

Danh từ Phật Giáo (Buddhism) phát nguồn từ chữ "buddhi", có nghĩa "giác ngộ", "thức tỉnh". Phật Giáo phát nguồn từ hơn 2,500 năm trước, khi Ngài Siddhattha Gotama (Sĩ-đạt-ta Cồ-đàm), hay Đức Phật, tự mình giác ngộ vào lúc 35 tuổi.

Đối với nhiều người, Phật Giáo không phải chỉ là một tôn giáo mà còn có thể xem như là một triết học, hay đúng hơn, đó là "một lối sống". Gọi Phật Giáo là một triết học, vì danh từ "triết học - philosophy" có nghĩa là "sự yêu chuộng trí tuệ", và con đường của đạo Phật có thể tóm tắt như sau:

(1) sống có đạo đức,

(2) nhận thức rõ ràng về mọi ý nghĩ và hành động, và

(3) phát triển sự hiểu biết và trí tuệ.

**2. Tại sao Phật Giáo trở nên phổ biến?**

Phật Giáo ngày càng phổ biến vì nhiều lý do. Thứ nhất là vì Phật Giáo có những giải đáp cho nhiều vấn đề trong các xã hội vật chất hiện đại. Tiếp đến, cho những ai có chú tâm, Phật Giáo cung ứng một sự thông hiểu sâu sắc về tâm trí con người và các cách trị liệu tự nhiên, mà các nhà tâm lý nổi tiếng trên thế giới đều công nhận là rất cao cấp và rất hiệu quả.

**III. LÀM SAO PHẬT PHÁP TRƯỜNG TỒN?**

Sự hưng thịnh hoặc suy yếu của Phật pháp luôn là vấn đề mà bất cứ người đệ tử Phật nào cũng đều quan tâm. Hiển nhiên tất cả mọi người đều muốn Phật pháp được hưng thịnh thế nhưng trên thực tế lại không như ý muốn. Không thể chỉ ước muốn suông mà cần phải biến ước muốn đó thành hiện thực, bằng những biện pháp cụ thể và thiết thực. Đó là đưa Phật pháp vào cuộc sống, thể hiện tính giác ngộ (trí tuệ), giải thoát (không còn trói buộc bởi lòng tham lam và sân hận) và từ bi (bao dung và tha thứ) của đức Phật qua đời sống cụ thể của hàng ngũ Tăng già và người Phật tử tại gia. Nếu được như vậy Phật pháp sẽ hưng thịnh phát triển; không chỉ phát triển ở Việt Nam, các nước Châu Á, mà ngay cả các nước phương Tây, vì giác ngộ, giải thoát và từ bi, là ba yếu tố mà bất cứ ai, ở xã hội nào cũng cần, nhất là ở xã hội ngày nay, loài người có xu hướng phát triển theo chiều hướng đó.

Nếu chúng ta cứ dùng vạn lời hoa mỹ ca ngợi sự vĩ đại cao siêu của đức Phật, tán dương sự giác ngộ giải thoát và lòng từ bi của Ngài cùng với sự đóng góp tích cực của đạo Phật trong quá khứ, hoặc truyền bá lời Phật dạy dưới hình thức như là “câu thần chú” một cách khó hiểu, thiếu sự phân tích giải thích, bên cạnh đó, biểu hiện của đời sống tăng già lại đi ngược lại tinh thần giác ngộ giải thoát và từ bi của đức Phật, thì con người ở xã hội ngày nay khó chấp nhận và làm theo. Khi xã hội không chấp nhận thì sự tồn tại của tăng già sẽ gặp nhiều khó khăn về mặt sinh tồn và phương tiện hoằng pháp. Từ đó thành phần tăng già sẽ bị suy thoái, Phật pháp cũng sẽ theo đó hoại diệt, vì vai trò của người cư sĩ khó có thể thay thế cho tăng già, giữ nhiệm vụ hoằng dương Phật pháp và duy trì đạo đức xã hội.

**1.     Bản chất của Phật pháp**

    Phật pháp là chân lý, là nguyên lý vận hành của mọi pháp ở thế gian, bao gồm cả tâm lý và vật lý. Nguyên lý đó không bao giờ thay đổi, bất cứ ở đâu và vật nào, không có một pháp nào không tuân thủ nguyên tắc này mà hình thành hay hủy hoại.

Nguyên lý đó được gọi là “Duyên khởi” thường được đức Phật mô tả là “Cái này có cho nên cái kia có, cái này sinh cho nên cái kia sinh”. Từ nguyên lý này, đức Phật hình thành “12 nhân duyên” để phân tích giải thích quá trình hình thành và chấm dứt những phiền não đau khổ của con người.

Cũng từ đạo lý Duyên khởi này, đức Phật phát hiện và chỉ ra bản chất của các pháp (tâm lý và vật lý) là vô thường, luôn luôn thay đổi, vì chúng không có tự tánh, phải nương tựa vào nhau mà tồn tại. Như vậy, cái mà chúng ta gọi là “Ngã”, là chủ thể nhận thức, cái đó cũng là giả hợp, cho nên đức Phật gọi là “vô ngã” hay chính xác hơn gọi là “phi ngã”, vì chúng được hình thành bởi 5 yếu tố là sắc, thọ tưởng hành và thức. Như vậy, các pháp tức chỉ những pháp thuộc vật chất và ngay cả những quan điểm tư tưởng cũng đều do duyên khởi mà thành, bản chất của chúng là vô thường; cái gì vô thường chuyển biến, cái ấy không thể gọi là “ngã” hay cái thuộc về “ngã sở”. Nếu chúng ta điên đảo cố chấp cho chúng là thường hằng, là “đây là tôi”, đây là cái “của tôi” là quan điểm của tôi hoặc cho rằng, nó là “tôi” là “của tôi”, nhưng chúng không theo ý mình thì khổ sanh. Do vậy đức Phật khuyên chúng ta nên dùng chánh tri chánh kiến để quan sát và giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống. Nếu chúng ta làm đúng như thế thì sẽ được hạnh phúc an lạc, ngược lại sẽ chuốc lấy khổ đau. Hạnh phúc hay khổ đau do chính chúng ta quyết định, đức Phật chỉ là bậc đạo sư chỉ cho chúng sinh thấy được bản chất của các pháp, con đường nào là con đường dẫn đến hạnh phúc, và con đường nào là con đường mang lại khổ đau.. Căn cứ từ đạo lý này, đức Phật tùy theo căn cơ trình độ của mỗi loại chúng sinh mà thiết lập các pháp cao thấp, rộng sâu khác nhau, do vậy mà có các pháp Tiểu thừa Đại thừa, bộ phái khác nhau. Qua đó, gợi ý cho chúng ta thấy, hình thức Phật pháp có Tiểu có Đại, có cạn có sâu, nhưng ý nghĩa Phật pháp không có thay đổi. Đây chính là nội dung ý nghĩa:

 “Này các Tỷ-kheo, các Ông đã được ta giới thiệu Chánh Pháp, Pháp này thiết thực hiện tại, không có thời gian(a), đến để mà thấy(b), có khả năng hướng thượng(c), được người trí tự thân giác hiểu(d). Này các Tỷ-kheo, Pháp này thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. Tất cả những gì đã nói là do duyên này mà nói.”[3]

**2.     Những nguyên nhân làm cho Phật pháp suy yếu**

Phật pháp là pháp thiết thực hiện tại, không bị giới hạn bởi thời gian và không gian, pháp ấy là pháp để hiểu biết và thực hành, có tác dụng giúp con người đoạn tận tham sân và si, đạt đến giác ngộ và giải thoát. Tuy bản thân Phật pháp có chức năng như vậy, nhưng thực trạng Phật giáo hiện nay quả thật đã để lại những hình ảnh và cảm nghĩ không mấy lành mạnh cho xã hội và ngay cả người Phật tử. Tại sao lại có sự mâu thuẫn này? Theo tôi vấn đề không khó hiểu, đó là kết quả tất yếu khi chúng ta cùng nhau ca ngợi “những hư danh” mà bản thân đức Phật đã từng từ bỏ và xa lánh; ngược lại bổn phận trách nhiệm của người xuất gia là tu học Phật pháp, phát huy chánh tri chánh kiến, là điều đáng được ca ngợi và phát huy, chúng ta lại không ca ngợi và phát huy. Ông Phật bên ngoài thì chúng ta tô sơn thếp vàng, hoa quả cúng hằng ngày, nhưng ông Phật trong lòng thì bụi bám trăm lớp, thì làm sao Phật pháp không rơi vào hiện tượng này. Hoằng dương Phật pháp là làm thế nào để cho giáo lý trí tuệ và từ bi của Ngài được phát huy ở xã hội, ở trong mỗi con người chúng ta, nhất là hàng xuất gia và Phật tử. Không phải cùng nhau ca ngợi Phật pháp là siêu việt, hay dựa vào ông Phật thếp vàng bảo rằng Phật pháp hưng thịnh. Ông Phật thếp vàng là biểu hiện thái độ kính ngưỡng của chúng ta đối với đức Phật, ước muốn thành Phật, nhưng điều đó không đồng nghĩa khi ông Phật bên ngoài được sáng đẹp thì Phật bên trong cũng được trong sáng như thế, vì chất liệu làm sáng tỏ hai vị Phật này khác nhau. Phật bên ngoài chúng ta có thể dùng vàng ngọc... trang sức làm cho sáng đẹp, nhưng ông Phật bên trong không thể dùng chất liệu này, mà phải dùng chất liệu của trí tuệ và từ bi, thiếu hai chất liệu này, Phật trong lòng khó trong sáng. Chính ông Phật trong lòng không trong sáng thì làm sao có thể làm cho Phật pháp hưng thịnh ở thế gian. Chúng ta có thể vay mượn hình dáng ông Phật bằng vàng ngọc bên ngoài làm phương tiện để dẫn dụ mọi người hiểu ông Phật bên trong, nhưng tuyệt đối không nên làm người khác nhầm lẫn hai ông Phật này là một. Bằng không, đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến suy tàn Phật pháp, như đã được Thế Tôn phân tích:

 “Này Ca-diếp, thí như lúc kiếp sắp muốn hoại, tuy vật báu thật chưa diệt mất, nhưng vật báu ngụy tạo tương tợ lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu ngụy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất. Cũng vậy Ca-diếp, Chánh pháp Như Lai lúc sắp muốn diệt, lại có tượng pháp tương tợ sanh ra; khi tượng pháp tương tợ đã xuất hiện ở thế gian rồi, thì Chánh pháp sẽ bị diệt.

Thí như trong biển cả, nếu thuyền chở nhiều trân bảo, chắc sẽ nhanh chóng bị đắm chìm. Chánh pháp Như Lai không như vậy, mà sẽ bị tiêu diệt từ từ. Chánh pháp của Như Lai không bị đất làm hoại, không bị nước, lửa, gió làm hoại đi. Cho đến lúc chúng sanh ác xuất hiện ở thế gian, thích làm các điều ác, muốn làm các điều ác, thành tựu các điều ác; phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật; bằng pháp tương tợ mà cú vị thịnh hành. Bấy giờ Chánh pháp Như Lai mới chìm mất.”[5]

Nội dung bài kinh này đức Phật giải thích nguyên nhân đưa đến chánh pháp bị hủy hoại, Ngài nói: Đất có thể vùi lấp bất cứ vật gì trên thế gian, nhưng đất không thể vùi lấp Phật pháp; nước có thể cuốn trôi nhận nhìm mọi vật, nhưng nước không thể cuốn trôi hay nhận chìm Phật pháp; lửa có thể thiêu rụi mọi vật trên thế gian, nhưng lửa không thể đốt cháy Phật pháp; gió (cuồng phong) cũng có thể thổi bay mọi vật, nhưng gió không thể thổi bay Phật pháp. Đất, nước, lửa, gió là những loại rất nguy hiểm có khả năng phá hoại tất cả mọi vật, nhưng chúng không phải là vật có thể phá hoại Phật pháp. Ngài lại phân tích, thuyền chở các vật châu báu, là những nguyên nhân có thể làm chìm thuyền vì nặng hay bị cướp bóc, nhưng giáo pháp của Như Lai không bị những thứ đó có thể làm hoại diệt; chỉ có “pháp tương tợ”, là những pháp có hình dáng, ý nghĩa tương tợ, giông giống pháp của Như Lai, chính pháp ấy mới có thể hủy diệt giáo pháp của Ngài. Đây chính là ý nghĩa câu: “vật báu thật chưa diệt mất, vật báu ngụy tạo tương tợ lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu ngụy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất.” Ở đây, đức Phật gọi “vật báu thật” chỉ cho Phật pháp hay chánh pháp; “vật báu ngụy tạo” chỉ cho những cái ngụy tạo, giả danh Phật pháp. Thế thì pháp nào là pháp bị giả danh? Pháp giả danh là những pháp giông giống với Phật pháp, nhưng bản chất của Pháp đó không liên hệ đến giác ngộ giải thoát, cản trở phát triển trí tuệ, tăng trưởng phiền não, tạo thành sự nhầm lẫn giữa Phật pháp và phi pháp, không phân biệt đâu là chánh pháp, đâu là tà pháp; đâu là thiện pháp, đâu là ác pháp, lấy phương tiện làm cứu cánh, lấy cứu cánh làm phương tiện.... Những cái ngụy tạo, giả danh này không những làm lu mờ giáo lý giác ngộ và giải thoát của Thế Tôn, mà còn làm cho chính bản thân người đó phải thọ nhận khổ đau, vì nếu không phân biệt, không nhận thức rõ tà pháp và chánh pháp, tưởng tà pháp là chánh pháp, lấy tà pháp tu tập thì làm sao có kết quả an lạc hạnh phúc, lấy tà pháp giảng dạy giới thiệu cho người khác thì làm sao Phật pháp không suy tàn. Sự dễ dãi trong việc nhận người xuất gia, buông thả việc quản lý, và thiếu sự giáo dục, ắt hẳn Phật giáo không sao tránh khỏi trường hợp này. Từ thực tế sinh hoạt của Tăng già hiện nay chúng ta có thể thấy điều đó rất rõ ràng. Nếu như người mới xuất gia không được đào tạo một cách nghiêm túc, không được học Phật pháp, không biết bổn phận và trách nhiệm đối với tự thân và Phật pháp, thì khi trở thành Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, vị ấy lấy gì để tu tập và lấy gì để giảng dạy cho đàng hậu thế và Phật tử? Khi ấy chắc chắn sẽ phát sinh “pháp tương tợ”. Sẽ càng nguy hiểm hơn nếu như vị đó làm trụ trì, hay giữ một vị trí quan trọng nào của Giáo hội, cũng lại lấy kiến thức “tương tợ” về Phật pháp ấy điều hành ngôi chùa, hay điều hành Giáo hội. Nếu vậy Phật pháp sẽ đi về đâu khi giáo lý “nhân quả” rất công bằng và minh bạch, không thể trồng đậu sinh quả dưa, gieo nhân lành mà gặp quả ác? Cũng thế, người xuất gia không tu học Phật pháp mà có thể hoằng dương Phật pháp là điều đó khó có thể xảy ra, ngược lại đạo lý nhân quả. Nếu không biết Phật pháp mà dạy Phật pháp thì pháp đó là pháp tương tợ, là nguyên nhân dẫn đến sự suy tàn Phật pháp. Đây chính là ý nghĩa câu: “Chánh pháp Như Lai lúc sắp muốn diệt, lại có tượng pháp tương tợ sanh ra; khi tượng pháp tương tợ đã xuất hiện ở thế gian rồi, thì Chánh pháp sẽ bị diệt.”Đây là điều chúng ta cần suy nghĩ.

Một vấn đề được nêu lên ở đây, ai là người có thể tạo ra “Pháp tương tợ”? Câu trả lời không ai khác hơn là đệ tử của Như Lai. Chỉ có đệ tử của Như Lai mới đủ điều kiện tạo ra pháp tương tợ. Giả như ngoại đạo có cố tình muốn phá hoại Phật pháp bằng cách tạo ra “pháp tương tợ”, nhưng nếu đệ tử của Như Lai là người có trí, hiểu rõ Phật pháp, thì bất cứ một pháp giả mạo xuất hiện trong đạo Phật cũng sẽ bị vạch trần. Không có một Phật tử nào lại tin người ngoại đạo mà không tin đệ tử của Phật.

Chỉ có người xuất gia mà không biết Phật pháp lại tưởng pháp tương tợ là Phật pháp, cho rằng đó là Phật pháp, mới có đủ điều kiện tạo ra “pháp tương tợ”. Vì với hình tướng của người xuất gia, với tư cách là thành viên của tăng già, là một trong ba ngôi báu cho hàng Phật tử tại gia nương tựa, là vị thầy của thế gian, nên đã làm cho Phật tử tin tưởng. Đây chính là ý nghĩa của câu “sư tử trùng thực sư tử nhục”, có nghĩa là chỉ có loài trùng sư tử mới có thể ăn thịt sư tử. Tại sao lại xảy ra điều này? Trong “Kinh Tăng Chi” đức Thế Tôn giải thích:

“Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai nhập diệt, Chánh pháp không được an trú lâu ngày? Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sốngkhông tôn trọng, không vâng lời bậc Ðạo sư; sống không tôn trọng, không vâng lời Pháp;sống không tôn trọng, không vâng lời chúng Tăng;sống không tôn trọng, không vâng lời học pháp; sống không tôn trọng, không vâng lời lẫn nhau. Do nhân này, do duyên này, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, diệu pháp không được an trú lâu ngày.”[6]

Ở đây đức Phật giải lý do khiến Phật pháp sớm suy tàn, chính là không tôn trọng vâng lời bậc Đạo sư, không tôn trọng vâng lời Pháp. Phật là người đã giác ngộ tìm ra chân lý, là pháp giúp mọi người giác ngộ và dẫn đến giải thoát, đoạn trừ phiền não, nhưng Phật đã nhập Niết bàn, không còn ở thế gian. Tuy Ngài đã nhập Niết bàn, nhưng giáo pháp của Ngài vẫn còn đó, bất cứ ai y cứ vào pháp đó thực hành cũng sẽ được giác ngộ và giải thoát. Nếu ai theo Ngài làm đệ tử xuất gia hay tại gia, mong muốn được giác ngộ và giải thoát như Ngài, nhưng không làm theo lời chỉ dạy của Ngài mà đôi khi làm ngược lại thì không thể nào được giác ngộ giải thoát, Phật pháp không thể nào hưng thịnh. Những người này đức Phật gọi là những người đối với Ngài với tâm hận thù, như Ngài nói:

“Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với ta, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch, và như vậy các ông sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài. Và như thế nào là các đệ tử đối xử vị Ðạo sư với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu?Ở đây, này Ananda, vị Ðạo sư ấy với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, mong cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Ðây là hạnh phúc cho các ông, đây là an lạc cho các ông". Nhưng các đệ tử của vị ấy không chịu nghe theo, không chịu lóng tai, chú tâm vào hướng khác (annan), ngược lại, họ đi xa lời giảng dạy của vị Ðạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Ðạo sư, với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu.”[7]

Ở đây đức Phật xác định, mục đích nói pháp của Ngài, vì thương chúng sanh chìm trong đau khổ, muốn họ nghe và làm theo sự chỉ dẫn của Ngài để tự mình được hạnh phúc an lạc. Tuy nhiên, có không ít người theo Ngài làm đệ tử của Ngài, nhưng họ không chịu thực hành theo lời chỉ dẫn của Ngài mà lại làm theo một hướng khác. Đức Thế Tôn gọi những người đó là những người có tâm thù nghịch với Ngài, không phải là người hoằng dương giáo pháp của Ngài. Có liên quan đến vấn đề này, trong “Kinh Thừa Tự Pháp” đức Phật lại đề cập:

“Này các Tỷ-kheo, hãy là người thừa tự Pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật. Ta có lòng thương tưởng các Ngươi và Ta nghĩ: Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tự Pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật?. Và này các Tỷ-kheo, nếu các Ngươi là những người thừa tự tài vật của Ta, không phải là những người thừa tự Pháp, thì không những các Ngươi trở thành những người mà người ta nói: Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp, mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp.”[8]

Gia tài lớn nhất của thế gian là tài sản và địa vị, vì vậy khi về già cha mẹ phải làm di chúc tài sản đó cho ai đó trong những người con. Thời phong kiến, người có địa vị như vua cũng phải chỉ định ai đó thay thế mình, nếu không thì anh em có thể tranh giành, cãi cọ, thậm chí chém giết nhau. Do vậy, gia tài và địa vị là hai thứ rất quan trọng ở thế gian. Ngược lại, trong Phật pháp, tài sản danh vọng không là cái quan trọng mà quan trọng nhất là “Pháp” (dhamma). Pháp ở đây không phải là cái “y” hay “bình bát”, cũng không phải “kinh điển” đức Phật để lại, mà chính là chúng ta thực tế hành trì lời dạy của Thế Tôn. Ngài khuyên cần phải đoạn trừ tham sân si, nếu tỷ kheo nào thực sự tu tập đoạn trừ tham sân si, thì tỷ kheo ấy đã kế thừa giáo pháp của Phật. Ngược lại, tỷ kheo nào dù có y bát, kinh điển của Ngài, nhưng tham sân si không từ bỏ, thì tỷ kheo ấy cũng không thể gọi là người kế thừa, vì gia tài của Ngài chính là sự giác ngộ giải thoát, không phải là y bát, tài sản.... Với Ngài, tài sản như y bát tự viện...chỉ là phương tiện cho tỷ kheo thuận tiện trong việc tu tập cho mình và cho người khác, không phải là gia tài của Phật, do vậy chúng ta không nên xem việc phát triển hình thức là sự hưng thịnh Phật pháp, cũng như thấy sự thiếu thốn cơ sở vật chất cho rằng Phật pháp suy tàn.

Trong thời đại ngày nay, tiền tài vật chất có thể nói là yếu tố không kém phần quan trọng trong việc hoằng pháp lợi sanh, nhưng nó không đồng nghĩa có tiền tài có cơ sở vật chất, là Phật pháp sẽ hưng thịnh. Có cơ sở vật chất nhưng thiếu người có tấm lòng và hiểu biết Phật pháp để hoằng pháp, thì Phật pháp cũng không có điều kiện hưng thịnh. Đôi khi sự phát triển cơ sở vật chất không hợp tình hợp lý sẽ có tác dụng ngược lại, lịch sử đã chứng minh điều đó. Đây chính là lý do tại sao đức Phật nói: nếu các Ngươi là những người thừa tự tài vật của Ta, (sẽ bị)...người ta nói: Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp...”.Theo tôi, đây là điểm mà chúng ta cần lưu ý, không nên xem thường những vấn đề liên quan đến vật chất. Dân gian Việt Nam có câu: “Tiền tài là huyết mạch”. Khi tiền tài đã trở thành huyết mạch, thì nó chiếm vị trí rất quan trọng trong lòng người. Cần phải thận trọng khi sử dụng chúng, nếu không nó trở thành “con rắn độc” không những nó cắn chết mình mà còn tổn thương Phật pháp.

**3. Những nhân tố khiến Phật pháp hưng thịnh**

Phật, Pháp và Tăng là “3 ngôi báu”. Phật là vị sáng lập Phật giáo, tìm ra con đường giác ngộ và giải thoát, đã nhập Niết bàn cách đây khoảng 2500 năm; Pháp là nội dung là nội dung Thế Tôn giác ngộ dưới cội cây Bồ đề, được Ngài thuyết giảng trong thời gian còn tại thế, được ghi chép thành Tam tạng, có ý nghĩa thâm sâu khó hiểu; Tăng là đoàn thể xuất gia, thực hiện lý tưởng giác ngộ giải thoát.

Ngoài mục đích thực hiện lý tưởng giác ngộ giải thoát, Tăng còn có bổn phận hoằng dương Phật pháp, đem giáo lý giác ngộ đến thế gian. Do vậy, vai trò của Tăng già rất quan trọng trong việc duy trì và phát triển Phật giáo. Nói cách khác, Tăng già giữ vai trò quyết định sự thịnh suy của Phật pháp.

“Tăng già” là từ được người Hoa dịch âm từ tiếng P?li: saºgha, hay Sanskrit: saµgha có nghĩa là tăng đoàn, giáo đoàn, hội chúng, là một tập thể gồm nhiều người. Theo luật qui định, khi gọi là Saµgha phải có tối thiểu từ bốn người trở lên. Nếu chỉ có một hoặc hai người không được gọi là Tăng già, không được đại diện cho Tăng già hoặc quyết định bất cứ việc gì thuộc về Tăng. Nói tóm lại, vấn đề thuộc Tăng già, phải do toàn thể thành viên của Tăng già quyết định, không thể do một hoặc vài người quyết định, dù ở địa vị nào, chức vụ gì ở xã hội hay trong Phật giáo. Tất cả các thành viên của Tăng già đều bình đẳng, có tư cách và quyền hạn ngang nhau. Bất cứ là ai, thuộc giai cấp nào, khi đã xuất gia thọ cụ túc giới đều bình đẳng, không phải người nhiều tuổi hạ có quyền hơn người ít tuổi hạ, cũng không phải người da trắng có quyền hơn người da đen, do vậy không ai có quyền lãnh đạo ai, hay phải lệ thuộc vào ai. Có thể nói, đây là tinh thần bình đẳng dân chủ trong đạo Phật, đã được đức Phật thực hiện và đề cao.

Ở đây, chúng ta cũng cần chú ý, tinh thần bình đẳng dân chủ trong đạo Phật được xây dựng từ sự hiểu biết (trí tuệ) - là người biết bổn phận trách nhiệm chứ không phải là người thiếu trách nhiệm. Do vậy, tinh thần dân chủ không đồng nghĩa là sự tùy tiện, tự do vô tổ chức, mà Tăng già phải sống theo tinh thần của “Pháp”, là lối sống hướng đến giác ngộ và giải thoát. Như vậy, Pháp trở thành nơi nương tựa, là vị thầy cho Tăng già. Thật ra giữa Pháp và Tăng, Pháp vẫn là nơi nương tựa an ổn chắc chắn nhất cho Tăng, vì vị Tăng nào cũng phải y vào Pháp mà giảng dạy, không thể tự sáng lập pháp khác. Hơn nữa, Tăng vốn là con người, bản chất con người là tham sân và si, nếu vị Tăng ấy chưa đoạn trừ tham sân si, lại lấy những quan điểm được xây dựng từ tham sân si dạy người khác, thì quan điểm, lời dạy đó thật nguy hiểm cho người nghe. Do vậy, đạo Phật không chấp nhận việc dựa vào quan điểm của cá nhân hay của riêng một nhóm người nào đó để lãnh đạo Tăng già và bất Tăng già phải chấp nhận và làm theo quan điểm đó. Đây chính là tinh thần “Y pháp bất y nhân” đã được Tôn giả A Nan xác định trong “Kinh Trung A hàm”, “Kinh Cù Mặc Mục Kiền Liên”.

Trong kinh này ghi lại cuộc đối thoại giữa đại thần Vũ Xá và tôn giả A Nan về quan điểm này như sau:

- Đại thần Vũ Xá hỏi: Trước khi Thế Tôn nhập diệt, Ngài có chỉ định vị Tỷ kheo nào sẽ là nơi nương tựa cho chúng tăng không?

- Tôn giả A Nan trả lời: Không có.

- Đại thần Vũ Xá lại hỏi: Sau khi Thế Tôn nhập diệt chúng tăng có hợp lại, chỉ định hay cung thỉnh vị nào làm nơi nương tựa cho chúng tăng không?

- Tôn giả A Nan trả lời: Cũng không có.

- Đại thần Vũ Xá liền đặt nghi vấn: Nếu vậy, phải chăng chúng tăng không có nơi nương tựa?

- A Nan trả lời: Dẫu rằng, Như Lai trước khi nhập diệt không chỉ định ai lãnh đạo làm nơi nương tựa cho Tăng già, chúng tăng cũng không mời ai làm nơi nương tựa cho chúng tăng, tuy nhiên điều đó không đồng nghĩa chúng tăng không nơi nương tựa, chỗ nương tựa của chúng tăng chính là “Pháp”, không phải là người nào.***[9]***

Qua nội dung và ý nghĩa của lời đối thoại này, có thể nói quan điểm này hoàn toàn trái ngược với thuyết cho rằng, Phật truyền cho Ca Diếp, Ca Diếp truyền cho A Nan... được ghi chép trong “Phú Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện” (付法藏因緣傳)[10] mà chúng ta đã nghe. (Tuy nhiên, thực tế như thế nào vẫn còn nhiều vấn đề chúng ta sẽ nghiên cứu và bàn luận vào dịp khác trong một chuyên đề riêng.) Đây là quan điểm “Y pháp bất y nhân” của A Nan được ghi lại trong bản kinh vừa đề cập. Xét về nguồn gốc, đây cũng không phải là ý kiến riêng của A Nan mà chính là quan điểm của đức Phật, A Nan chỉ là người lặp lại. Đức Phật cũng từng nói: “Này Ananda, Như Lai không có nghĩ rằng:Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ kheo”[11]. Như Lai là người giác ngộ chân lý, là vị sáng lập Phật giáo, chúng tăng là đệ tử theo Ngài tu học, nhưng tại sao Ngài phủ nhận vai trò lãnh đạo cầm đầu Tăng già? Theo cách lý giải của tôi về vấn đề này, pháp mà Ngài giác ngộ là chân lý của thế gian, không phải là pháp do Ngài sáng tạo, nếu pháp không phải do Ngài sáng tạo thì Ngài không có quyền đem pháp ấy cho người này hay người kia, hơn nữa, mỗi người là chủ nhân của chính mình, tự mình quyết định tất cả, thế thì Ngài làm chủ được ai, do vậy Ngài chỉ là vị Đạo Sư, có trách nhiệm chỉ cho mọi người thấy và biết chân lý, còn chấp nhận hay không là quyền của mọi người. Có lẽ vì vậy mà Ngài phủ nhận vai trò lãnh đạo hay cầm đầu chúng tăng. Bản thân Ngài đã phủ nhận vai trò lãnh đạo thì lẽ nào Ngài lại giao quyền lãnh đạo cho Ca Diếp?. Chính vì không chấp nhận bất cứ ai lãnh đạo Tăng già và sợ tăng già dễ tin lạc vào quan điểm cá nhân tà pháp nên Ngài đã nhiều lần nhắc nhở Tỳ kheo:

“Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì (ai) khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa...”[12]

Ý nghĩa hai đoạn kinh vừa dẫn đã chứng minh cụ thể quan điểm “y pháp bất y nhân” mà Ngài A Nan trả lời cho đại thần Vũ Xá chính là quan điểm của đức Phật, không phải ý kiến riêng của A Nan.

Quan điểm “Y pháp bất y nhân” không những nói lên quan điểm tôn trọng “Pháp” và “Luật” trong đạo Phật, còn biểu thị thái độ không quá đề cao vai trò cá nhân trong tổ chức, vì nó dễ phát sinh tiêu cực và lạc hướng. Hơn nữa, nếu đứng từ góc độ xã hội nhìn về quan điểm “Y pháp bất y nhân” này, có thể nói nó là quan điểm tiến bộ, không chấp nhận thể chế “quân chủ chuyên chế” của vua chúa ngày xưa, xem ý kiến của vua là trên hết, hành xử theo ý kiến của nhà vua. Ngược lại, quan điểm này đề cao một nhà nước hoặc tổ chức điều hành theo “Hiến pháp” và “Pháp luật”. Nghĩa là “Hiến pháp” và “Pháp luật” là trên hết, bất cứ người làm lãnh đạo nào cũng phải căn cứ vào Hiến pháp và  Pháp luật để điều hành quốc gia hay tổ chức, ai làm sai Hiến pháp và Pháp luật thì sẽ bị xử trị theo luật pháp đã qui định, không tương nhượng thiên vị bất cứ ai, dù đó là quan hay dân.

Cũng vậy, trong Phật pháp đề cao tinh thần “Y pháp bất y nhân”. Sau khi Như Lai nhập diệt chúng tăng phải y theo “Pháp” và “Luật” để tu tập, nhằm mục đích tránh trường hợp người có tà tâm, lợi dụng lợi chức vụ quyền hạn hướng Phật pháp hướng tăng già đi vào một con đường khác, không những làm cho Phật pháp sớm hoại diệt, chúng tăng và Phật tử rơi vào lao đao, gặp nhiều phiền não. Từ ý nghĩa này gợi ý cho chúng ta nhận thức rõ rằng, nếu chúng ta có nhu cầu thành lập Giáo hội, Tổ chức với danh xưng nào đi nữa thuận lợi cho việc hoàng pháp đều có thể được, điều quan trọng không phải là danh xưng mà là nội dung hoạt động của Giáo hội hay Tổ chức đó có phù hợp với “Pháp” và “Luật” của Phật đã từng dạy không. Theo tôi đây là vấn đề mà người xuất gia lẫn Phật tử cần quan tâm.

Pháp (dhamma) là Phật pháp, tất cả những lời Phật dạy, bao gồm kinh luật và luận, giống như kim chỉ nam chỉ mọi người hướng đến giác ngộ và giải thoát; Luật (vinaya) là một trong 3 tạng, là những giới điều, những nguyên tắc sống cho người xuất gia và tại gia, nhằm giúp hành giả dễ dàng hướng đến giác ngộ và giải thoát, gồm “Tứ phần luật”, “Ngũ Phần Luật”, “Thập Tụng Luật”....

Pháp và Luật là những gì người xuất gia cần phải hiểu biết để tu tập, để giáo hóa chúng sanh giống như người thủy thủ đi biển cần phải có la bàn, để biết phương hướng Đông Tây Nam Bắc, từ đó mới xác định được hướng đi của mình. Nếu người xuất gia không biết gì về Pháp và Luật thì cũng giống như người thủy thủ đi biển không có la bàn không phân biệt được phương hướng, thì lấy gì để tu tập, lấy gì để giáo hóa chúng sinh? Điều đó không những nguy hiểm cho bản thân mình, còn mang lại sự nguy hiểm cho người khác. Nếu như người đi biển mà không có la bàn sẽ gặp sự nguy hiểm, thì trong Phật giáo cũng thế, Tăng già giữ nhiệm vụ truyền thừa mạng mạch Phật pháp mà không hiểu biết Phật pháp, sẽ phát sinh các tệ nạn, khiến Phật pháp sớm hủy hoại. Do vậy, muốn ngăn ngừa sự suy tàn của Phật giáo và làm cho Phật pháp hưng thịnh, chúng ta cần phải quan tâm đến mặt giáo dục, và quan trọng là đào tạo tầng lớp Tăng sĩ hiểu Phật pháp. Thực hiện tốt về mặt giáo dục nghĩa là chúng ta đã đào tạo được người có chuyên môn. Những người này sẽ đảm đương gánh vác các Phật sự của Giáo hội. Các Phật sự được quản lý chặt chẽ sẽ tránh những nguyên nhân xấu phát sinh. Khi thành phần Tăng lữ đã được đào tạo nghiêm túc, thấu rõ Phật pháp, có bổn phận và trách nhiệm với Phật pháp, thì hoạt động tăng già cũng đi vào nề nếp, tiếng nói của Tăng đối với xã hội cũng sẽ có giá trị hơn, công việc hoàng dương Phật pháp sẽ tốt hơn, từ đó trình độ hiểu biết về Phật pháp của người Phật tử cũng sẽ cao hơn, thấu rõ hơn. Một xu thế phát triển như thế, tôi tin rằng sẽ được xã hội đồng tình và ủng hộ và chính xã hội sẽ góp phần quyết định Phật giáo phát triển mặt tích cực và loại bỏ mặt tiêu cực, bằng cách ủng hộ duy trì ủng hộ quan điểm hành vi phù hợp chánh pháp, thì nghiễm nhiên mặt tiêu cực trong Phật pháp sẽ tự tiêu diệt. Ví như khi ta để tâm suy tư nhiều về việc thiện, thì những suy nghĩ về bất thiện tự nhiên biến mất (Kinh Song Tầm. Kinh Trung Bộ).

Có thể nói, hình thành một kế hoạch hợp lý cho sự phát triển Phật giáo Việt Nam đã là việc làm rất khó, nhưng điều khó hơn là thực thi kế hoạch đó, sẽ vướng phải nhiều điều khó khăn. Do vậy ở đây tôi chỉ dựa vào những cơ quan tổ chức mà Phật giáo Việt Nam đang hoạt động, gợi ý một vài ý kiến mang tính cá nhân, để cùng nhau suy nghĩ và tìm giải pháp.

**4.     Lời kết**

Phật pháp là những gì từ nội tâm của Thế Tôn giác ngộ dưới cội cây Bồ đề. Sau khi giác ngộ, trải qua 45 hay 49 năm Ngài thuyết pháp độ sanh mô tả về chân lý đó. Về sau các đệ tử của Ngài đã kết tập thành 3 tạng kinh điển đều được gọi là pháp, là chân lý của thế gian, là con đường đưa con người đến giác ngộ và giải thoát và những ai thực hành con đường đó cũng sẽ được giác ngộ và giải thoát. Do vậy, giác ngộ giải thoát là mục đích của đạo Phật, cũng là bản chất của Phật pháp. Như vậy, khi chúng ta đề cập đến sự suy tàn hay hưng thịnh của Phật pháp, có nghĩa là đề cập đến tinh thần giác ngộ và giải thoát của đức Phật có được hưng thịnh ở thế gian hay không, chứ không thể dựa vào các hình thức bề ngoài để đánh giá Phật pháp hưng suy.

Sau khi Thế Tôn nhập diệt, người xuất gia ngoài nhiệm vụ tu tập để được giác ngộ và giải thoát, còn có trách nhiệm hoằng dương Phật Pháp, cho nên Tăng được xếp vào một trong 3 ngôi báu. Nếu Tăng già có nhiệm vụ hoằng dương Phật pháp thì sự suy tàn hay hưng thịnh của Phật pháp đều do Tăng già. Như vậy, sau khi Thế Tôn nhập diệt, vai trò và vị trí của Tăng già rất quan trọng đối với sự hưng suy của Phật pháp.

Trong “Kinh Tạp A hàm” đức Phật nói, đất nước gió lửa có thể hủy hoại mọi vật, nhưng chúng không thể hủy hoại giáo pháp của Như Lai; cũng vậy tà ma ngoại đạo có thể có ác tâm phá hoại Phật pháp, nhưng nếu đoàn thể Tăng già hòa hợp thanh tịnh và sáng suốt, thì không có ma quỉ nào có thể hủy hoại Phật pháp. Nhưng có một hạng người có thể làm hủy hoại giáo pháp Như Lai, đó là đệ tử của Ngài, những người này nhân danh đệ tử của Thế Tôn, không hiểu và tu tập theo pháp của Ngài, cố ý hay vô tình tạo ra “pháp tương tợ”, na ná giông giống Pháp của Như Lai, khiến mọi người tin và hành theo pháp của vị ấy. Khi pháp tương tợ xuất hiện thì chánh pháp biến mất. Đây chính là nguyên nhân khiến Phật pháp hoại diệt.

Nếu như cái nhân khiến cho Phật pháp bị suy tàn là do Tăng già thiếu hiểu biết về giáo pháp của Như Lai, thì muốn Phật pháp hưng thịnh phải đoạn trừ cái nhân đó, bằng cách giáo dục Tăng già hiểu rõ chánh pháp. Nếu Tăng già đã hiểu rõ Phật pháp, phân biệt được tà pháp và chánh pháp, thì họ không hành tà pháp, và hướng dẫn Phật tử tránh tà pháp, hành chánh pháp. Khi Phật tử hành chánh pháp không hành tà pháp, họ sẽ được hạnh phúc an lạc, và tin tưởng Phật pháp. Phật pháp cũng nhờ vậy mà hưng thịnh.